

TTĐT(2)

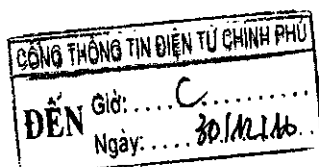
CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 170/2016/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2016



NGHỊ ĐỊNH

**Quy định về việc công bố, tiếp nhận, xử lý và
truyền phát thông tin an ninh hàng hải**

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Bộ luật hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Bộ luật Quốc tế về an ninh tàu biển và bến cảng ban hành kèm theo Công ước Quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển (sửa đổi, bổ sung năm 2002);

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về việc công bố, tiếp nhận, xử lý và truyền phát thông tin an ninh hàng hải.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về việc công bố, tiếp nhận, xử lý và truyền phát thông tin an ninh hàng hải.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng và khai thác các loại tàu biển, giàn di động, cơ sở cảng sau đây:

1. Tàu biển Việt Nam hoạt động trên tuyến quốc tế và tàu biển nước ngoài hoạt động tại các vùng biển Việt Nam và vùng nước cảng biển (sau đây gọi chung là tàu biển), bao gồm: Tàu chở khách; tàu chở hàng có tổng dung tích từ 500 trở lên.

2. Giàn di động hoạt động trên tuyến quốc tế.

3. Cơ sở cảng tiếp nhận các loại tàu biển quy định tại khoản 1 và giàn di động quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Cơ sở cảng quy định tại Nghị định này bao gồm: Cảng biển, cảng thủy nội địa tiếp nhận tàu biển nước ngoài, bến phao, cảng dầu khí ngoài khơi, ụ nổi và kho chứa nổi tiếp nhận tàu biển vào hoạt động.

2. Sự cố an ninh hàng hải là bất kỳ hành động hoặc tình huống khả nghi nào mà đe dọa đến an ninh của tàu biển, giàn di động hoặc cơ sở cảng.

3. Cấp độ an ninh hàng hải là mức độ nguy hiểm của một sự cố an ninh hàng hải sẽ xảy ra đối với tàu biển, giàn di động hoặc cơ sở cảng.

Chương II CẤP ĐỘ AN NINH HÀNG HẢI

Điều 4. Cấp độ an ninh hàng hải

Cấp độ an ninh hàng hải được phân chia thành 03 cấp, gồm:

1. Cấp độ 1: Là cấp độ thông thường, yêu cầu áp dụng các biện pháp an ninh tối thiểu trong điều kiện hoạt động bình thường của tàu biển, giàn di động hoặc cơ sở cảng.

2. Cấp độ 2: Là cấp độ cao, yêu cầu áp dụng các biện pháp an ninh cao hơn trong thời gian có nguy cơ cao về sự cố an ninh đối với tàu biển, giàn di động hoặc cơ sở cảng.

3. Cấp độ 3: Là cấp độ đặc biệt, yêu cầu áp dụng các biện pháp an ninh đặc biệt trong thời gian có thể hoặc sắp xảy ra sự cố an ninh đối với tàu biển, giàn di động hoặc cơ sở cảng.

Điều 5. Duy trì và thay đổi cấp độ an ninh hàng hải

1. Cấp độ 1 được duy trì thường xuyên trên các tàu biển Việt Nam, giàn di động và tại các cơ sở cảng Việt Nam.

2. Các cấp độ an ninh hàng hải có thể thay đổi theo thứ tự từ cấp độ 1 lên cấp độ 2 và cấp độ 3 hoặc cũng có thể chuyển trực tiếp từ cấp độ 1 lên cấp độ 3, tùy theo điều kiện, hoàn cảnh thực tế.

3. Cấp độ 3 chỉ áp dụng trong thời gian có thông tin đáng tin cậy, nhận biết rõ sự cố an ninh có thể hoặc sắp xảy ra đối với tàu biển, giàn di động hoặc cơ sở cảng.

4. Việc thay đổi cấp độ an ninh hàng hải phải được thực hiện theo công bố của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền và được thông báo kịp thời cho các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan theo quy định tại Nghị định này và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

Điều 6. Cơ quan công bố, thay đổi cấp độ an ninh hàng hải

1. Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển chịu trách nhiệm công bố cấp độ hoặc thay đổi cấp độ an ninh hàng hải theo quy định tại Điều 4 và Điều 5 của Nghị định này.

2. Bộ Công an cung cấp các thông tin cần thiết cho Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển để công bố cấp độ hoặc thay đổi cấp độ an ninh hàng hải đối với cơ sở cảng.

Điều 7. Tiếp nhận, xử lý và truyền phát thông tin về cấp độ an ninh hàng hải

Việc tiếp nhận, xử lý và truyền phát thông tin về cấp độ an ninh hàng hải được thực hiện theo quy trình như sau:

1. Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển có trách nhiệm thông báo về cấp độ, sự thay đổi về cấp độ an ninh hàng hải cho Trung tâm Thông tin an ninh hàng hải (sau đây viết tắt là Trung tâm).

2. Ngay sau khi nhận được các thông tin quy định tại khoản 1 Điều này, Trung tâm phải chuyển tiếp các thông tin đó đến các tổ chức, cá nhân sau:

- a) Cảng vụ hàng hải, Cảng vụ đường thủy nội địa;
- b) Cán bộ an ninh của chủ tàu;
- c) Cơ quan có thẩm quyền của quốc gia có liên quan, đồng thời thông báo cho Cục Lãnh sự thuộc Bộ Ngoại giao (sau đây viết tắt là Cục Lãnh sự).

Trong trường hợp Trung tâm không thể liên lạc được với cơ quan có thẩm quyền của quốc gia mà tàu biển hoặc giàn di động mang cờ quốc tịch thì sẽ thông qua Cục Lãnh sự để thông báo cho các cơ quan có liên quan của quốc gia đó biết.

3. Xử lý ngay sau khi nhận được thông tin do Trung tâm truyền phát:

- a) Các Cảng vụ hàng hải, Cảng vụ đường thủy nội địa phải thông báo cho cán bộ an ninh của cơ sở cảng và tàu biển, giàn di động dự kiến sẽ đến hoặc đang hoạt động tại cơ sở cảng thuộc khu vực quản lý, Bộ đội Biên phòng cửa khẩu cảng hoặc Công an cửa khẩu cảng;

b) Cán bộ an ninh của chủ tàu phải thông báo cho sĩ quan an ninh tàu biển do mình quản lý biết để áp dụng cấp độ an ninh hàng hải cho tàu biển, giàn di động.

4. Các tàu biển, giàn di động và cơ sở cảng phải triển khai kế hoạch an ninh đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Chương III **TIẾP NHẬN, XỬ LÝ VÀ TRUYỀN PHÁT** **THÔNG TIN AN NINH HÀNG HẢI**

Điều 8. Trung tâm Thông tin an ninh hàng hải

1. Trung tâm Thông tin an ninh hàng hải là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Cục Hàng hải Việt Nam, thực hiện chức năng là cơ quan thường trực của Việt Nam tiếp nhận, xử lý và truyền phát thông tin an ninh hàng hải theo quy định của Nghị định này, Bộ luật quốc tế về an ninh tàu biển và bến cảng (sau đây viết tắt là Bộ luật ISPS) và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

2. Nhiệm vụ chủ yếu của Trung tâm, bao gồm:

a) Tiếp nhận thông tin về cấp độ, thay đổi cấp độ an ninh hàng hải, thông tin an ninh hàng hải từ Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển và Bộ Công an để truyền phát đến tàu biển, giàn di động, cơ sở cảng và các cơ quan có liên quan khác của Việt Nam cũng như cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài, khi được yêu cầu;

b) Tiếp nhận thông tin an ninh hàng hải từ tàu biển, giàn di động, cơ sở cảng hoặc từ cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài, hoặc từ tổ chức, cá nhân khác và thông báo kịp thời cho Bộ tư lệnh Cảnh sát biển, Bộ Công an và các cơ quan có liên quan khác của Việt Nam. Trường hợp tiếp nhận thông tin từ tàu biển, giàn di động mang cờ quốc tịch nước ngoài phải thông báo đến cơ quan có thẩm quyền của quốc gia đó;

c) Tiếp nhận thông tin an toàn hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường biển do hoạt động của tàu biển;

d) Thực hiện việc trao đổi thông tin liên quan đến an ninh hàng hải giữa Việt Nam với các tổ chức an ninh hàng hải quốc tế;